

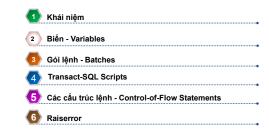
CHƯƠNG 5

PROGRAMMING IN TRANSACT_SQL





NỘI DUNG



Khái niệm lập trình trong SQL

- Lập trình CSDL: Giao tiếp với chương trình ứng dung
 - Chương trình bao gồm: Biến (variable), câu lệnh SQL và cấu trúc điều khiển.
- · Các khái niệm cơ bản:
 - Định danh (Identifiers)
 - Batch (tập các câu lệnh T-SQL liên tiếp kết thúc bằng lệnh GO)
 - Script

IDENTIFIERS ĐỊNH DANH

- Tên của các đối tượng đều được gọi là định danh. Trong SQL Server, có các định danh như Server, Databases, object of Database as Table, View, Index, Constraint,...
- Qui tắc định danh
- > Tối đa 128 ký tự.
- Bắt đầu là một ký tự từ A_Z
- » Bắt đầu là một ký hiệu @, # sẽ có một ý nghĩa khác.
- Những định danh nào có dấu khoảng trắng ở giữa thì phải kẹp trong dấu [] hoặc " "
- Đặt định danh sao cho ngắn gọn, đầy đủ ý nghĩa, phân biệt giữa các đối tượng với nhau, không trùng lặp, không trùng với từ khóa của T-SQL.

2 Biến - Variables



- Biến là một đối tượng dùng để lưu trữ dữ liệu. Biến phải được khai báo trước khi dùng.
- Có 2 loại biến: cục bộ và toàn cục
- Biến cục bộ:
 - Được khai báo trong phần thân của một bó lệnh hay một thủ tuc.
 - Phạm vi hoạt động của biến bắt đầu từ điểm mà nó được khai báo cho đến khi kết thúc một bó lệnh, một thủ tục hay một hàm mà nó được khai báo.
 - Tên của biến bắt đầu bằng @

2 Biến cục bộ-Local Variables

- Local variable
 - Khai báo (Declare):

DECLARE@ VariableName var_type

– Example:

DECLARE @EmpIDVar int

DECLARE @CustID Char(5), @name varchar(50)

Biến cục bộ-Local Variables

Sử dụng biến cục bộ: Assign value for the variable: When a variable is declared, its value

SET @VariableName = expression or SELECT{@VariableName=expression} [,...n]

– Example:

DECLARE @temp_city varchar(10)
SET @temp_city = 'london'
SELECT * FROM Customers
WHERE city = @temp_city

Biến cục bộ-Local Variables

Sử dụng biến cục bộ:

SET @manv = 3

Example:

DECLARE @manv int
SET @manv = 2
Go
SELECT * FROM Employees
WHERE Emloyeeid = @manv

DECLARE @manv int, @country nvarchar(15)

Set @country ='Usa'

SELECT * FROM Employees

WHERE Emloyeeid = @manv and country
=@country

Biến cục bộ-Local Variables

■Hiển thị giá trị của biến cục bộ:

PRINTF @VariableName | expression or

SELECT @VariableName | expression

- Example:

DECLARE @temp_city varchar(10)
SET @temp_city = 'london'
SELECT * FROM Customers
WHERE city = @temp_city

Biến cục bộ-Local Variables

Example 1:

Write a script that declares an integer variable called @ID. Assign the value 70000 to the variable. Use the variable in a SELECT statement that returns all the SalesOrderID values from the Sales.SalesOrderHeader table that have a SalesOrderID greater than the value of the variable.

DECLARE @ID INTEGER = 70000; SELECT SalesOrderID FROM Sales.SalesOrderHeader WHERE SalesOrderID > @ID;

Biến cuc bô-Local Variables

Example 2 :

Write a script that declares two integer variables called @MaxID and @MinID. Use the variables to print the highest and lowest SalesOrderID values from the Sales.SalesOrderHeader table.

DECLARE @MaxID INT, @MinID INT;
SELECT @MaxID = MAX(SalesOrderID),
@MinID = MIN(SalesOrderID)
FROM Sales.SalesOrderHeader;
PRINT 'Max: ' + CONVERT(VARCHAR(10),@MaxID);
PRINT 'Min: ' + CONVERT(VARCHAR(10), @MinID);

Biến cuc bô-Local Variables

Example 3 :

Write a script that declares three variables, one integer variable called @ID, an NVARCHAR(50) variable called @FirstName, and an NVARCHAR(50) variable called @LastName. Use a SELECT statement to set the value of the variables with the row from the Person.Person table with BusinessEntityID = 1. Print a statement in the "BusinessEntityID: FirstName LastName" format.

DECLARE @ID INT, @FirstName NVARCHAR(50), @LastName NVARCHAR(50);
SELECT @ID = BusinessEntityID, @FirstName = FirstName, @LastName = LastName
FROM Person.Person
WHERE BusinessEntityID = 1;
PRINT CONVERT(NVARCHAR(10),@ID) + ': ' + @FirstName + ' ' + @LastName;

Biến cục bộ-Local Variables

Example 4:

Write a script that declares an integer variable called @SalesCount. Set the value of the variable to the total count of sales in the Sales.SalesOrderHeader table. Use the variable in a SELECT statement that shows the difference between the @SalesCount and the count of sales by customer.

DECLARE @SalesCount INT;
SELECT @SalesCount = COUNT(*)
FROM Sales.SalesOrderHeader;
SELECT @SalesCount - COUNT(CUSTOMERID) AS CustCountDiff
FROM Sales.SalesOrderHeader

Biến toàn cục-Global Variables

- · Biến toàn cục trong SQL là một hàm hệ thống.
 - Giá trị trả về của hàm được hiển thị bởi câu lệnh SELECT @@Variablename.
 - Không gán giá trị cho biến toàn cục.
 - Biến toàn cục không có kiểu
 - Tên biến được bắt đầu với @@.

Biến toàn cục-Global Variables

- · Một số biến toàn cục thông dụng
 - -@@SERVERNAME: trả về tên của server
 - @@ROWCOUNT: số dòng chịu tác dụng của câu lệnh cuối cùng.
 - @@ERROR: trả về chỉ số index của lỗi
 - -@@IDENTITY: trả về định danh

2 Biến toàn cục-Global Variables

Example

How many are transaction opening
If (@@Trancount>0)
Begin
Raiserror ('Take can not be executed within a trasaction',10,1)

Return

Update Person.Person set LastName = 'Brooke'

Where LastName ='Duffy' If(@@rowcount !=0)

begin print 'There are rows were updated

End

select *from Person.Person

Biến toàn cục - Global Variables

Example

Tra ve so Identitidey phat sinh sau cung Create table hd (mahd int identity Primary key, ghichu varchar(20))

Create table cthd(Mahd int, masp char(10), soluong int)

insert into hd Values ('Record 1') insert into hd Values ('Record 2')

Declare @maso int Set @maso = @@identity insert into cthd Values (@maso,'sp001',5) insert into cthd Values (@maso,'sp002',12)

Select * from hd Select * from cthd

2 Lệnh thực thi

Execution of the SQL statement

EXEC [USE] ({@string_variable| [N] 'tsql_string'}
[+ ...n])

Example:

Ngày 01 tháng 08 năm 2015

DECLARE @vname varchar(20), @vtable varchar(20),

@vdbase varchar(20)

SET @vname='Brooke'

SET @vtable='Person.Person'

SET @vdbase='AdventureWorks2008R2'

EXECUTE ('USE'+@vdbase + 'SELECT * FROM '+ @vtable +

'WHERE lastname='+@vname)

Gói lệnh - Batches

- 2. Gói lệnh (Batch)
 - Bao gồm các phát biểu T-SQL và kết thúc bằng lệnh GO.
 - Các lệnh trong gói lệnh sẽ được biên dịch và thực thi cùng một lúc.
 - Nếu một lệnh trong Batch bị lỗi thì batch cũng xem như lỗi
 - Các phát biểu Create bị ràng buộc trong một batch đơn.

Ex: use northwind select * from Customers GO

3. Kịch bản (Script)

 Một kich bản là một tập của một hay nhiều bó lệnh được lưu lại thành một tập tin .SQL

Gói lệnh - Batches

• Example:

Gói lệnh - Batches

• Example:

USE NorthWind

GU

SELECT MAX(Unitprice) AS 'Highest Product Price'

FROM Products

SELECT MIN(Unitprice) AS 'Lowest Product Price'

FROM Products

SELECT AVG(Unitprice) AS 'Average Product Price'

FROM Products

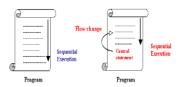
GO



Control-of-Flow Statements

maxsize = 2, filegrowth =1)

- -BEGIN ... END
- -The IF ... ELSE Statement
- -The WHILE Statement
- The CASE Function



Control-of-Flow Statements

BEGIN ...END

BEGIN

{sql_statement | statement_ block}
END



Control-of-Flow Statements



• IF ... ELSE

 $IF {\it boolean_expression}$

{sql_statement | statement_block}
[ELSE boolean_expression

{sql_statement | statement_block}]

Example :

If (select Count(*) From Customers where Country = 'Germany')>0 print 'Co khach hang o Germany'

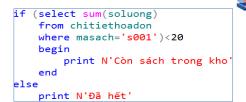
Else

print 'Khong co khach hang o Germany'





• IF ... ELSE



6 Control-of-Flow Statements



IF ... ELSE



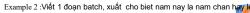
Example :Write a batch that declares an integer variable called @Count to save the count of all the Sales.SalesOrderDetail records. Add an IF block that that prints "Over 100,000" if the value exceeds 100,000. Otherwise print "100,000 or less."

DECLARE @Count INT; SELECT @Count = COUNT(*) FROM Sales.SalesOrderDetail;
IF @Count > 100000 BEGIN PRINT 'Over 100,000'; PRINT '100,000 or less.';

Control-of-Flow Statements



IF ... ELSE





IF YEAR(GETDATE()) % 2 = 0 BEGIN PRINT 'The year is even.'; END PRINT 'The year is odd.';

6 Control-of-Flow Statements



IF ... ELSE

Example 3: Write a batch that uses IF EXISTS to check to see whether there is a row in the Sales.SalesOrderHeader table that has SalesOrderID = 1. Print "There is a SalesOrderID = 1" or "There is not a SalesOrderID = 1" depending on the result.



IF EXISTS(SELECT * FROM Sales.SalesOrderHeader WHERE SalesOrderID = 1) BEGIN PRINT 'There is a SalesOrderID = 1'; **END ELSE BEGIN** PRINT 'There is not a SalesOrderID = 1'; END:

6 Control-of-Flow Statements



CASE

- Simple CASE function



CASE input_expression WHEN when_expression THEN result_expression [...n] [ELSE else_result_expression] **END**

Control-of-Flow Statements



- Searched CASE function



CASE

WHEN Boolean_expression THEN result_expression [...n] [ELSE else_result_expression]

END



 Example 1 :Viết đoạn batch nhập 2 biến, xuất hiệu theo 2 trường hợp: nếu a>b hiệu là a-b, ngược lại là b-a



Declare @a int, @b int, @Hieu int
Set @a = 15
Set @b = 27
Set @hieu = Case
When @a<@b then @b-@a
When @a>@b then @a-@b
else 0
end
print 'hieu='+convert(varchar(20),@hieu)

Control-of-Flow Statements



Example 2:

Select ProductName, Unitprice,

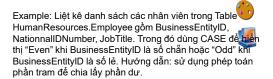


'Classification'=CASE when Unitprice<10 then 'Low price' When Unitprice Between 10 and 20 then 'Moderately Price'

when Unitprice>20 then 'Expensive' else 'Unknown'

end From Products

Control-of-Flow Statements



SELECT BusinessEntityID,

CASE BusinessEntityID % 2 WHEN 0 THEN 'Even' ELSE 'Odd' END

FROM HumanResources. Employee;

Control-of-Flow Statements



Example 2: Liệt kê danh sách các thông tin chi tiết của các hóa tơc có trong bảng Sales.SalesOrderDetail gồm các thông tin SalesOrderID, OrderQty, trong đó OrderQty hiễn thị giá trị "Under 10" OrderQTY nhỏ hơn 10, "10–19" nếu OrderQty từ 10-19, hoặc "20–29" nếu OrderQty từ 20-29, hoặc "30–39" nếu OrderQty từ 30-39, hoặc "40 and over" nếu OrderQty từ 40 trở lên.

SELECT SalesOrderID, OrderQty,

CASE WHEN OrderQty BETWEEN 0 AND 9 THEN 'Under 10' WHEN OrderQty BETWEEN 10 AND 19 THEN '10-19' WHEN OrderQty BETWEEN 20 AND 29 THEN '20-29' WHEN OrderQty BETWEEN 30 AND 39 THEN '30-39' ELSE '40 and over' end AS range

FROM Sales.SalesOrderDetail;

Control-of-Flow Statements



 GOTO redirects the flow of program execution to a specified location (label)

Example

Declare @a int, @b int, @Hieu int

Set @a = 39 Set @b =10 hieu loop:

if @a>@b

begin
Set @hieu =@A-@B
print 'a='+convert(varchar(20),@a)

print 'b='+convert(varchar(20),@b)
print 'hieu='+convert(varchar(20),@hieu)
Set @a =@hieu

print 'a='+convert(varchar(20),@a) print 'b='+convert(varchar(20),@b) print 'hieu='+convert(varchar(20),@hieu)

end

6 Control-of-Flow Statements



WHILE

WHILE boolean_expression

{sql_statement | statement_block} [BREAK]

{sql_statement | statement_block}
[CONTINUE]



WHILE

Control-of-Flow Statements



• Example 1: Write a script that contains a WHILE loop that prints out the letters A to Z. Use the function CHAR to change a number to a letter. Start the loop with the value 65.

```
DECLARE @Letter CHAR(1);
SET @Letter = CHAR(65);
PRINT @Letter;
DECLARE @Count INT = 65;
WHILE @Count < 91 BEGIN
PRINT CHAR(@Count);
SET @Count += 1;
END:
```

Control-of-Flow Statements



 Example 2: Viết vòng lặp in ra bảng cửu chương của một số nào đó

6 Control-of-Flow Statements



 Example 4: Write a script that contains a WHILE Ibep that counts up from 1 to 100. Print "Odd" or "Even" depending on the value of the counter.

```
DECLARE @Count INT = 1;
WHILE @Count <= 100
BEGIN
IF @Count % 2 = 0
BEGIN
PRINT 'Even';
END
ELSE
BEGIN
PRINT 'Odd';
END
SET @Count += 1;
```

Control-of-Flow Statements



Example 2:

```
WHILE (SELECT AVG(price) FROM titles) < $30
BEGIN

UPDATE titles SET price = price * 2
SELECT MAX(price) FROM titles

IF (SELECT MAX(price) FROM titles) > $50
BREAK
ELSE
CONTINUE
END
PRINT 'Too much for the market to bear'
```

Control-of-Flow Statements

@@ERROR

 Write a statement that attempts to insert a duplicate row into the HumanResources.Department table. Use the @@ERROR function to display the error.

```
DECLARE @Error INT;
INSERT INTO
HumanResources.Department(DepartmentID,Name,Group
Name,ModifiedDate)
VALUES (1,'Engineering','Research and
Development',GETDATE());
DECLARE @Error char(30)
SET @Error = @@ERROR;
IF @Error > 0 BEGIN
```

PRINT @Error;

END;

TRY... CATCH

- Provides error handling for T-SQL that is similar to the exception handling in the C# / Java
- Syntax:

BEGIN TRY

{ sql_statement | statement_block }

END TRY

BEGIN CATCH

[{ sql_statement | statement_block }]

END CATCH

Control-of-Flow Statements

TRY... CATCH

Example: Change the code you wrote in question 1 to use TRY...CATCH. Display the error number, message, and severity. BEGIN TRY

Human Resources. Department (Department ID, Name, Group Name, Mo

VALUES (1, 'Engineering', 'Research and Development', GETDATE());

END TRY

BEGIN CATCH

SELECT ERROR_NUMBER() AS ErrorNumber,ERROR_MESSAGE() AS ErrorMessage,

ERROR_SEVERITY() AS ErrorSeverity;

END CATCH;

Control-of-Flow Statements

TRY... CATCH

 Example: Change the code you wrote in question 2 to raise a custom error message instead of the actual error message.

BEGIN TRY

INSERT INTO

HumanResources.Department(DepartmentID,Name,Grou pName, ModifiedDate) VALUES (1, 'Engineering', 'Research and Development', GETDATE());

END TRY

BEGIN CATCH

RAISERROR('You attempted to insert a duplicate!',16,1); END CATCH;

Control-of-Flow Statements

RETURN

- · Exits unconditionally from a query or procedure
- · This will be discussed more detail in Stored Procedure section.
- Syntax

RETURN [integer_expression]

Control-of-Flow Statements

PRINT 'any ACII Text' | @local_variable | @@FUNTION| String_expr

RETURN [integer_expression] integer_expression: return value

WAITFOR { DELAY 'time' | TIME 'time' }

Control-of-Flow Statements

- WAITFOR: SQL Server tam dùng một thời gian trước khi xử lý tiếp các phát biểu sau đó.
- Cú pháp :

WAITFOR {DELAY 'time' | TIME 'time'}



Time: hh:mm:ss Deplay 'time': hệ thống tạm dừng trong khoảng

TIME 'time': hệ thống tạm dừng trong khoảng

thời gian time chỉ ra

Ví dụ

WAITFOR DELAY '00:00:02' SELECT EmployeeID FROM Northwind.dbo.Employees

· Example:

END

BEGIN
WAITFOR TIME '22:20'
EXECUTE update_all_stats





Control-of-Flow Statements

RAISERROR

```
RAISERROR({msg_id | msg_str}
{ , severity , state }
[ , argument [ ,...n ] ] )
[ WITH option [ ,...n ] ]
```

6 Control-of-Flow Statements

RAISERROR

RAISERROR({msg_id | msg_str}
{ , severity , state }
[, argument [,...n]])
[WITH option [,...n]]

Msg_id: Là thông báo, nó được lưu trong bảng sysmessage. Mã thông báo của người dùng phải bắt đầu từ trên 50000 Msg_str: Nội dung thông báo, tối đa 400 ký tự. Để truyền tham số vào trong thông báo thì dùng dạng %<Loại ký

. Loại ký tự là d,I,o,x,X hay u

Control-of-Flow Statements

RAISERROR

Severity Levels: Mức lỗi của một thông báo lỗi cung cấp một sự biểu thị loại vấn đề mà SQL Server gặp phải.

- Mức lỗi 10 là lỗi về thông tin và biểu thị nguyên nhân do thông tin nhập vào.
- Mức lỗi từ 11 đến 16 thì thông thường là do các user.
- Mức từ 17 đến 25 do lỗi phần mềm hoặc phần cứng. Bạn nên báo cho nhà quản trị hệ thống bất cứ khi nào sự cố xảy ra. Nhà quả trị hệ thống phải giải quyết sự cố đó và theo đõi chúng thường xuyên. Khi mức lỗi 17,18,19 xảy ra, bạn có thể tiếp tục làm việc mặc dù bạn không thể thực thi lệnh đặc biệt.

Control-of-Flow Statements

RAISERROR

- state: Là một số nguyên tùy ý từ 1 đến 127 mô tả thông tin diễn giải về trạng thái lỗi.
- Argument: Là tham số dùng trong việc thay thế cho biến để định nghĩa thông báo lỗi hoặc thông báo tương ứng với mã lỗi msg_id. Có thể không hoặc có nhiều tham số. Tuy nhiên, không được quá 20. Mỗi tham số thay thế có thể là một biến local hoặc bất kỳ một trong các kiểu dữ liệu int, char, varchar, binary, varbinary. Các kiểu khác không được cung cấp.

6 Control-of-Flow Statements

RAISERROR

 Thêm một lỗi mới của người dùng định nghĩa Syntax

Sp_AddMessage msg_id, severity,'msg'[,'language'][,'with_log'][,'replace']

- Msg_id: Là thông báo, được lưu trong bảng sysmessage. Mã thông báo của người dùng phải bắt đầu từ trên 50000
- Msg_str: Nội dung thông báo, tối đa 400 ký tự.
- Để truyền tham số vào trong thông báo thì dùng dạng %<Loại ký tự>
- Loại ký tự là d,l,o,x,X hay u
- Lưu ý: số float, double, char không được hỗ trợ

RAISERROR

Xóa một lỗi mới của người dùng định nghĩa

Sp_DropMessage msg_id

Các ký tự	Mô tả
d hoặc l	Biểu hiện là số nguyên (integer)
0	Octal không dấu
P	Con trỏ
S	Chuỗi
U	Số nguyên không dấu
x or X	Hexadecimal không dấu

Control-of-Flow Statements

RAISERROR

- msg_id: là mã số của lỗi mới, là một số int, không được trùng các mã đã có sẵn, bắt đầu là 50001.
- severity: là mức lỗi của lỗi, là một số smallint. Mức hợp lệ là từ 1 đến 25. Chỉ có người quản trị CSDL mới có thể phát sinh thêm một thông báo lỗi mới từ 19 đến 25.
- 'msg': là một chuỗi thông báo lỗi, tối đa 255 ký tự.
- 'language': là ngôn ngữ của thông báo lỗi, không chỉ định thì mặc định là ngôn ngữ của phiên kết nối.

6 Control-of-Flow Statements

RAISERROR

- 'with_log': thông báo lỗi có được gi nhận vào nhật ký của ứng dụng khi nó xảy ra hay không, mặc định là FALSE. Nếu là true, thì lỗi luôn luôn được ghi vào nhật ký ứng dụng. Chỉ có những thành viên thuộc sysadmin server role mới có thể sử dụng tham số này.
- 'replace': nếu được chỉ định chuỗi REPLACE, thì thông báo lỗi đã tồn tại được ghi đè bởi chuỗi thông báo mới và mức lỗi mới. Tham số này phải chỉ định nếu msg_id đã có.
- · Lưu ý: nếu trả về 0 tức là thêm vào thành công, 1 thất bại.

6 Control-of-Flow Statements

RAISERROR

- SP_ADDMESSAGE 50001,10,'KHONG TIM THAY MAU TIN %D TRONG %LS'
- SP_ADDMESSAGE 50002,16, 'KHONG XOA DUOC %S VI %S CO TON TAI TRONG %LS'
- SP_ADDMESSAGE 50003,16, MOT LOP CHI CO TOI DA %D HOC SINH'
- SP_ADDMESSAGE 50004,16, 'DON GIA BAN PHAI LON HON DON GIA GOC'
- --XEM THONG BAO LOI VUA XAY DUNG(COI LAI SAI)
- SP HELPTEXT 'SYSMESSAGE'
- SELECT * FROM SYSMESSAGE WHERE ERROR =50002

6 Control-of-Flow Statements

RAISERROR

--CAU 5 :XAY DUNG CAU THONG BAO LOI BANG RAISERROR Use Northwind RAISERROR (50001,10,1,4,'SANPHAM') DECLARE @@MA INT DECLARE @@TEN NVARCHAR SET @@TEN NVARCHAR SET @@TEN = 'SANPHAM' SET @@MA =8 SELECT productid FROM products WHERE productid=@@MA IF (@@ROWCOUNT=0) BEGIN RAISERROR (50001,10,1,@@MA,@@TEN) END GO

